

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 16/4/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2026/TLST-DS, ngày 16/01/2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty T1 (JIVF); địa chỉ: Lầu A, tòa nhà C, 72 - G N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NARITA CHIKARA, chức vụ Tổng giám đốc.

Ông NARITA CHIKARA ủy quyền cho bà Trần Việt N, sinh năm 1984, chức vụ: Phó bộ phận quản lý công nợ (Giấy ủy quyền số 65/2024/UQ-JIVF, ngày 20/8/2024).

Bà Trần Việt N ủy quyền cho Công ty L, đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thành C – Giám đốc Công ty; địa chỉ: Đường L, phường H, thành phố Đà Nẵng (Hợp đồng ủy quyền số 15/2026/UQ-JIVF-LM, ngày 13/01/2026).

Ông Nguyễn Thành C ủy quyền cho ông Bùi Quang T, sinh năm 2003 (căn cước công dân số: 052203016162); địa chỉ: I N, phường Q, tỉnh Gia Lai (Hợp đồng ủy quyền số 04/2026/UQ-LTT, ngày 16/01/2026).

- **Bị đơn:** Bà Đoàn Thị Tuyết H, sinh năm 1973 (căn cước công dân số: 054173000238); địa chỉ: Làng K, xã K, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ: Chị Đoàn Thị Tuyết H công nhận còn nợ Công ty T1 (JIVF) số tiền tính đến ngày 16/4/2026 là 97.420.993 đồng (Chín mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm chín mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc là 67.531.075 đồng (Sáu mươi bảy triệu năm trăm ba mươi một nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng), tiền lãi trong hạn là 24.134.248 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn 5.599.670 đồng (Năm triệu năm trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) và tiền phí là 156.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

2.2. Về thời gian và phương thức trả nợ: Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận, trong thời gian kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành (ngày 16/4/2026) đến ngày 26/4/2026 chị Đoàn Thị Tuyết H có nghĩa vụ trả dứt điểm số nợ 97.420.993 đồng (Chín mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm chín mươi ba đồng) nói trên cho Công ty T1 (JIVF).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về án phí: Số tiền án phí dân sự sơ thẩm là $97.420.993 \text{ đồng} \times 5\% = 4.871.050 \text{ đồng}$ (Bốn triệu tám trăm bảy mươi một nghìn không trăm năm mươi đồng), do hòa giải thành được giảm 50% còn lại 2.435.525 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng). Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận chị Đoàn Thị Tuyết H chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm này.

Công ty T1 (JIVF) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty T1 (JIVF) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.435.525 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000616, ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân: THẨM PHÁN

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13 - Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

Phan Huy Viễn